

Số: 08 /2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 242/2025/ TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc : “ ***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*** ” giữa: Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L** sinh năm 1989

Địa chỉ: **Thôn X, xã Q, tỉnh Thanh Hóa**

Bị đơn: Anh **Lưu Văn T** sinh năm 1989

Địa chỉ: **Thôn P, xã H, Tỉnh Thanh hóa**

- Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điều 212 và 213; khoản 3 điều 144; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 55; 81;82;83;84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

-Căn cứ điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 /UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội; mục 1.1 (phần án phí Dân sự) danh mục về án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2017.

-Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L** sinh năm 1989

Địa chỉ: **Thôn X, xã Q, tỉnh Thanh Hóa**

Bị đơn: Anh **Lưu Văn T** sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Phú Nham, xã Hà Trung, Tỉnh Thanh hóa

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thị L** và anh **Lưu Văn T**.

- **Phần con cái:** Vợ chồng có 01 con chung là cháu [Luu Xuân P](#) (nam) sinh ngày 04/11/2019. Hai bên thống nhất giao cháu [Luu Xuân P](#) cho anh [Luu Văn T](#) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh [Luu Văn T](#) không đề nghị chị [Lê Thị L](#) đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

-**Về tài sản:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Án phí DSST chị [Lê Thị L](#) phải nộp 75.000đ; anh [Luu Văn T](#) phải nộp: 75.000đ . Hai bên thỏa thuận chị [Lê Thị L](#) nộp toàn bộ số tiền án phí DSST của hai người . Chuyển tiền tạm ứng án phí [Lê Thị L](#) đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại phòng thi hành án dân sự khu vực 6-Thanh Hoá theo biên lai thu số 0003962 ngày 12 tháng 12 năm 2025 sang phần án phí dân sự mà hai người phải nộp. Như vậy, các đương sự đã thi hành xong về phần án phí .

-Trả lại cho chị [Lê Thị L](#) số tiền còn lại là 150.000 đồng sau khi trừ đi số tiền án phí DSST phải nộp.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

-VKS khu vực 6-TH

-các đương sự

-Thi hành án dân sự khu vực 6-Thanh Hoá

-UBND xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá

-Lưu hồ sơ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-THANH HOÁ
THẨM PHÁN**